

Bản án số: 15/2023/HN&GD - ST

Ngày: 17/4/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;
2. Ông Hà Văn Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 298/2022/HN&GD-ST ngày 24/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST, ngày 17/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HN&GD, ngày 31/3/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N , sinh năm 1996;

ĐKKHKT: TDP Tuần, phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Quan Văn V , sinh năm 1995;

ĐKKHKT: TDP Tuần, phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt chị Nhung, vắng mặt anh Vi tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Nhung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Quan Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên (nay là phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc, đến khi sinh con vào tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh V còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2017, chị đã đưa con trai về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Khuân Mản, xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh Vi, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh V có một con chung là cháu Quan Quốc Anh, sinh ngày 05/5/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm việc tại Công ty điện tử MeiKo Thăng Long, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Quan Văn Vi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời khai của chị N về thời gian kết hôn và chung sống giữa anh và chị N là đúng. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung hạnh phúc cho đến giữa năm 2016 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Chị N bỏ đi từ năm 2017, anh có liên lạc để khuyên chị N về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Mặc dù trước đây anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng hiện nay anh đã sửa đổi, đi làm, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung trưởng thành. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh mong muốn Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Trong trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh vẫn giữ nguyên quan điểm, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N có một con chung là cháu Quan Quốc A, sinh ngày 05/5/2016, như chị N trình bày là đúng. Trong trường hợp chị N cương quyết ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trước đây anh không thăm hỏi, không chu cấp là do khi đó anh chơi bời, chưa có thu nhập nhưng thời điểm này anh đã đi làm tự do ở gần nhà, có công việc, đủ điều kiện để chăm sóc con. Trường hợp được nuôi con chung, khi anh đi làm vắng nhà, anh có thể thuê người nuôi con.

Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đã thực hiện đúng, đầy đủ

quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị N được ly hôn anh V .

- *Về con chung:* Đề nghị giao con chung: cháu Quan Quốc A , sinh ngày 05/5/2016 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vi cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Án phí:* Chị Nhung phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Quyền kháng cáo:* Dương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, bị đơn anh Quan Văn V có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Tuấn, phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, anh Quan Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.2]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Quan Văn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên (nay là phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2015 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N và nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình của anh V thì thấy: Sau khi kết hôn thực chất vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh Vi chơi bời và có quan hệ bất chính với người khác, điều này cả anh Vi và chị Nhung cũng thừa nhận tại phiên hoà giải đoàn tụ do Toà án tiến hành. Tại phiên toà anh V cũng đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chị Nhung cũng xác định vợ chồng ly thân thời gian dài, chị cho anh Vi rất nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử thấy, nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình của anh Vi là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xong bản thân chị Nhung và anh V không chung sống cùng nhau từ nhiều năm nay. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Lời khai của bà Quan Thị T – mẹ đẻ anh V cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn của hai con là anh V có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị Nhung có đi đánh ghen nhưng không có kết quả gì. Khoảng hơn một năm nay các con sống ly thân. Nay chị N có đơn xin ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi con, bà không có ý kiến gì, để cho anh chị tự giải quyết; Về việc nuôi con bà đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung bởi bà đã có tuổi không thể trông nom cháu giúp anh, chị được.

Biên bản làm việc với bà Triệu Thị H – Tổ trưởng TDP Tuần xác định: Chị Nhung và anh V có quan hệ vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Tuần, phường Đắc Sơn. Quá trình chung sống tại địa phương không biết anh chị có xảy ra mâu thuẫn gì không. Tuy nhiên, thực tế chị Nhung đã bỏ đi khỏi nhà chồng được một thời gian dài, hiện nay chị Nhung ở đâu thì địa phương không nắm được rõ; Anh Vi vẫn có hộ khẩu tại địa phương, đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nhung và anh Vi đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...*”. Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị Nhung đối với anh Vi và chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh Vi. Việc anh Vi không đồng ý ly hôn

nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, điều đó cho thấy chỉ gây khó khăn hơn cho chị Nhung.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N , cho chị N được ly hôn với anh V là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị N và anh Quan Văn V có một con chung là cháu Quan Quốc A , sinh ngày 05/5/2016. Hiện nay con chung đang sống ổn định cùng chị N . Khi ly hôn, chị N và anh V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của cả chị N , anh V đều là thực tâm, xuất phát từ tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ để đối với con chung. Xét về điều kiện kinh tế, chị N và anh V đều trình có công việc và thu nhập ổn định. Chị N hiện làm việc tại Công ty TNHH Điện tử MeiKo Thăng Long, có thu nhập bình quân một tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ. Anh V trình bày có công việc tự do, có thu nhập ổn định nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ, chứng minh thu nhập của mình có đủ điều kiện chăm sóc con chung. Qua xác minh tại gia đình và địa phương của anh V thể hiện: anh V đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về, trong thời gian vợ chồng ly thân, anh không quan tâm và chu cấp gì cho con, không có trách nhiệm của người bố đối với con chung. Lời khai của mẹ đẻ anh V – bà Quan Thị Q cũng thể hiện khi ly hôn giao con cho chị N nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay, con chung đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và môi trường sống của con là không cần thiết, bởi sẽ ảnh hưởng đến nếp sinh hoạt, tâm sinh lý và điều kiện sống của con chung. Xét về thời gian và kinh tế để chăm sóc con chung, chị Nhung có điều kiện tốt hơn anh Vi. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N , giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V cho đến khi chị Nhung có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị N đối với anh Quan Văn V .

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Quan Văn V .

2. *Về con chung:* Giao con chung: Cháu Quan Quốc A , sinh ngày 05/5/2016, cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V cho đến khi chị Nhung có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. *Về nợ chung, cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị Nhung được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh, theo biên lai số 0001257 ngày 24/11/2022. Xác nhận chị N đã nộp đủ.

6. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị N tại phiên tòa. Báo cho biết chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Quan Văn V vắng mặt tại phiên tòa. Báo cho biết anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Đắc Sơn (ĐKKH số 109, ngày 23/12/2015);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Hồng Hải

Nguyễn Thị Thu Hà